

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TH
TỈNH LONG A**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày: 26-01-2024
Về việc “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TH -TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dg

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Nm

2/ Ông Vũ Văn Qn

- Thư ký phiên tòa: Bùi Thị Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Th, tỉnh Long A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th: Bà Phạm Thị Kim Th
- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 01 Nm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 11 Nm 2022 về việc “TrAh chấp hợp đồng vay tài sản” Tho Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 12 Nm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2023/QĐST-DS ngày 20-12-2023; Quyết định tạm dừng phiên tòa số: 01a/2024/QĐST-DS ngày 10-01-2024; Thông báo mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm dân sự số 30/2024/TB-TA ngày 15-01-2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Pg, sinh Nm: 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Đông B, xã Tân H, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Sn, sinh Nm: 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Đông B, xã Tân H, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA:*

3.1. Ông Nguyễn Văn Hg, sinh Nm: 1963. Địa chỉ: Ấp Đông B, xã Tân H, huyện Tân Th, tỉnh Long A (có đơn xin vắng mặt);

3.2. Ông Lê Văn Vt, sinh Nm 1968. Địa chỉ: Ấp Đông B, xã Tân H, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

Người đại diện Tho ủy quyền của ông Lê Văn Vt: Bà Phạm Thị Pg, sinh Nm: 1970. Địa chỉ: Ấp Đông B, xã Tân H, huyện Tân Th, tỉnh Long A (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn và là người đại diện Tho ủy quyền của ông Lê Văn Vt bà Phạm Thị Pg trình bày:* Bà Nguyễn Thị Sn ở cùng ấp với bà Phạm Thị Pg nên quen biết, vì vậy bà Sn đã có biên nhận nợ của bà Pg như sau: Ngày 15/11/2018 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 12.600.000 đồng; Ngày 15/4/2019 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 10.000.000 đồng; Ngày 15/4/2019 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 10.600.000 đồng; Ngày 15/4/2019 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 5.000.000 đồng; Ngày 15/4/2019 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 10.000.000 đồng; Ngày 15/11/2019 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 13.000.000 đồng; Ngày 30/8/2019 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 2.700.000 đồng; Ngày 15/7/2020 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 29.000.000 đồng.

Tổng cộng bà Sn đã vay của bà Pg là 92.900.000 đồng (*Chín mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng*).

Bà Pg đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà Sn không có trách nhiệm trả nợ cho bà Pg. Bà Pg đã có đơn khiếu nại đến UBND xã Tân H, đưa ra H giải lúc 09 giờ 00 phút ngày 15/4/2022 nhưng không thành. Do đó, bà Pg làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Th yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Sn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA chồng bà Sn là ông Nguyễn Văn Hg có trách nhiệm trả cho bà Pg tổng cộng là 92.900.000 đồng (*Chín mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bà Sn phải có trách nhiệm trả lãi cho bà Pg, với mức lãi suất 1%/tháng tính lãi trên tất cả các biên nhận, kể từ ngày vay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Sn trình bày: Bà Sn có mượn của bà Pg số tiền là 35.000.000 đồng, tiền lãi hàng tháng phải đóng lãi 60.000 đồng/1.000.000 đồng.

Bà Sn mượn tiền ngày 15/7/2019 (AL) đến 15/1/2022 (AL) chưa đóng lãi. Tổng cộng từ gốc và lãi là 92.900.000 đồng, bà có nói chuyện với bà Pg xin trả 60.000.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng đến khi trả hết nợ nhưng bà Pg

không chịu. Bà Sn xác nhận số tiền 92.900.000 đồng là không có thật, chỉ có nợ bà Pg là 35.000.000 đồng, và bà Sn chấp nhận trả cho bà Pg số tiền này và bà Sn chấp nhận trả lãi Tho quy định của Ngân hàng.

Bà Pg yêu cầu bà Sn trả 92.900.000 đồng bà Sn không đồng ý vì bà Sn chỉ thiếu chị Pg 35.000.000 đồng như trình bày trước đây.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Hg: Ông Nguyễn Văn Hg có đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có gửi văn bản trình bày ý kiến nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của ông Hg.

Đại diện viện kiểm sát nhân huyện Tân Th phát biểu về vụ án:

- Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quA điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự Nm 2015; Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí, đề nghị HĐXX tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;
- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Phạm Thị Pg;
- Đương sự chịu án phí Tho quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ kiện trAh chấp “Hợp đồng vay tài sản” giữa bà Phạm Thị Pg với bà Nguyễn Thị Sn và ông Nguyễn Văn Hg. Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết Tho thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Th, tỉnh Long A.

Tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị Pg không rút đơn khởi kiện, bà Pg thay đổi một phần yêu cầu. Bà Pg tiếp tục yêu cầu bà Nguyễn Thị Sn và ông Nguyễn Văn Hg liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà Pg số tiền là 92.900.000 đồng; Rút lại phần yêu cầu là không yêu cầu tính lãi.

Bà Nguyễn Thị Sn chấp nhận hoàn trả cho bà Phạm Thị Pg số tiền gốc và

lãi là 60.000.000 đồng, do hiện nay khó khăn nên xin trả dần.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Do chỗ quen biết, cần tiền làm ăn xoay sở cuộc sống gia đình nên từ Nm 2018 đến 2020 bà Nguyễn Thị Sn và ông Nguyễn Văn Hg có hỏi mượn tiền của bà Phạm Thị Pg tổng cộng 8 lần với số tiền là 92.900.000 đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng cụ thể các lần mượn như sau: Ngày 15/11/2018 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 12.600.000 đồng; Ngày 15/4/2019 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 10.000.000 đồng; Ngày 15/4/2019 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 10.600.000 đồng; Ngày 15/4/2019 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 5.000.000 đồng; Ngày 15/4/2019 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 10.000.000 đồng; Ngày 15/11/2019 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 13.000.000 đồng; Ngày 30/8/2019 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 2.700.000 đồng; Ngày 15/7/2020 đã có biên nhận vay mượn tiền của tôi số tiền là: 29.000.000 đồng.

[2.2] Do bà Sn và ông Hg không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Pg, nên bà Pg làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân Tân H giải quyết nhưng không thành, bà Pg tiếp tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tân Th.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Pg xác định bà Sn và ông Hg có nợ của bà số tiền là 92.900.000 đồng và bà Pg có cung cấp 08 biên nhận và giấy xác nhận chính bà Sn ký tên vào các biên nhận bà đã cung cấp. Riêng bà Sn thì không thừa nhận chữ ký và chữ viết của bà nên bà Pg cùng với bà Sn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết họ tên của bà Sn trên 08 biên nhận kể trên.

[2.4] Tho kết quả giám định của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh số 4647/KL-KTHS ngày 05-09-2023 thì kết luận giám định thể hiện như sau:

- Chữ ký dạng chữ viết đọc được “Sn” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A8 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Sn trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M11 là do cùng một người ký ra.

- Chữ viết “Nguyễn Thị Sn” (dưới chữ ký) trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A7, A8 so với chữ ký dạng chữ viết “Sn” chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Sn trên các tài liệu mẫu so sánh từ M1 đến M11 là không phải do cùng một người viết ra.

[2.5] Tại biên bản H giải ngày 20-11-2023 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Th thì bà Pg cũng khẳng định là bà Sn và ông Hg còn thiếu nợ bà số tiền là 92.900.000 đồng Tho biên nhận bà Pg cung cấp.

[2.6] Bà Sn trình bày là có nợ bà Pg số tiền là 35.000.000 đồng và tiền lãi phải đóng hàng tháng 60.000 đồng/1 triệu đồng và bà xác nhận có mượn tiền của bà Pg từ ngày 15-07-2019 đến ngày 15-01-2022 AL chưa đóng lãi. Tổng số tiền gốc và lãi là 92.900.000 đồng và có xin bà Pg cho trả tổng số tiền là 60.000.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ nhưng bà Pg không chịu. Điều này cho thấy bà Sn cũng đã thừa nhận là bà còn thiếu nợ lãi, gốc của bà Pg là 92.900.000 đồng lời trình bày này của bà Sn cũng phù hợp với yêu cầu của bà Pg.

[2.7] Như vậy, kết quả giám định cho thấy trên tất cả 08 biên nhận nợ mà bà Pg cung cấp đều có chữ ký xác nhận nợ của bà Nguyễn Thị Sn, nên bà Phạm Thị Pg yêu cầu bà Sn và ông Hg liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả cho bà Pg số tiền là 92.900.000 đồng Tho biên nhận là có căn cứ pháp lý nên được chấp nhận.

[2.8] Bà Nguyễn Thị Sn cho rằng bà có mượn của bà Pg số tiền là 35.000.000 đồng, bà xác định hàng tháng đóng lãi 60.000 đồng/1 triệu/1 tháng nhưng bà không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên không xem xét phần trình bày này của bà Sn.

Tại phiên tòa hôm nay bà Sn trình bày là chơi hụi và vay tiền để xoay sở cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, nên buộc ông Hg cùng bà Sn liên đới hoàn trả nợ cho bà Pg là hợp lý.

[2.9] Bà Sn chấp nhận trả tiền nợ, gốc và lãi cho bà Pg số tiền 60.000.000 đồng do khó khăn nên xin trả dần, yêu cầu này không được bà Pg chấp nhận nên yêu cầu này của bà Sn không được xem xét.

[2.10] Bà Phạm Thị Pg rút lại yêu cầu tính lãi, áp dụng điểm c Điều 217 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ phần yêu cầu tính lãi của bà Phạm Thị Pg.

[2.11] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 288, 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Pg.

Buộc bà Nguyễn Thị Sn và ông Nguyễn Văn Hg liên đới có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Thị Pg số tiền là 92.900.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng : Chi phí giám định chữ ký tổng số tiền là 9.400.000 đồng, bà Sn đã nộp 6.000.000 đồng. Bà Sn và ông Hg tiếp tục thanh toán cho bà Pg số tiền là 3.400.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Sn và ông Nguyễn Văn Hg phải chịu 4.654.000 đồng, bà Sn và ông Hg thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí nên không phải nộp. Bà Phạm Thị Pg không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền 2.345.000 đồng tiền tạm ứng án phí Tho lai thu số 0004470 ngày 15 tháng 11 Nm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Th.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 244, điểm c Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 288, 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy BA Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Pg

Buộc bà Nguyễn Thị Sn và ông Nguyễn Văn Hg liên đới có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Thị Pg số tiền là 92.900.000 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án Tho mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Đình chỉ phần yêu cầu tính lãi của bà Phạm Thị Pg.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký tổng số tiền là 9.400.000 đồng, bà Sn đã nộp 6.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Sn và ông Nguyễn Văn Hg tiếp tục thanh toán cho bà Phạm Thị Pg số tiền giám định chữ ký là 3.400.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Sn và ông Nguyễn Văn Hg được miễn án phí. Bà Phạm Thị Pg không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền 2.345.000 đồng tiền tạm ứng án phí Tho lai thu số 0004470 ngày 15 tháng 11 Nm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Th.

Trường hợp bản án được thi hành Tho qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án Tho qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện Tho qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quA ông Nguyễn Văn Hg vắng mặt. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Long A;
- VKSND huyện Tân Th;
- THADS huyện Tân Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Dg

